TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ **PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/TB-CTSV	*Ninh Bình, ngày 15 tháng 04 năm 2021*

THÔNG BÁO

V/v danh sách tập thể và cá nhân sinh viên D10 – D11 – D12 –D12– C25 – C26 - C27 được xét khen thưởng và học bổng học kỳ I năm học 2020 - 2021

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng sinh viên năm học 2020 – 2021 về việc xét khen thưởng - học bổng HKI năm học 2020 – 2021 cho sinh viên hệ chính quy vào lúc 15h00 ngày 14/4/2021, Phòng Công tác sinh viên thông báo danh sách tập thể và cá nhân sinh viên khóa D10 - D11 – D12 –D13 – C25 – C26 - C27 được xét khen thưởng và học bổng HKI năm học 2020 - 2021 (*có danh sách kèm theo*), cụ thể như sau:

1. Khen thưởng

- Tập thể lớp: 12 tập thể lớp Tiên tiến, trong đó có 9 tập thể lớp chưa hoàn thành các khoản phí vệ sinh môi trường, quỹ Hội Chữ thập đỏ, quỹ Hội Sinh viên. Trước 17h00 ngày 22/4/2021, nếu các lớp không hoàn thành các khoản phí về Phòng Tài vụ và các đơn vị có liên quan (*có kèm phiếu thu đã nộp tiền*), Phòng Công tác sinh viên sẽ tham mưu đề nghị Hội đồng Thi đua – Khen thưởng không xét danh hiệu thi đua đối với tập thể lớp và cá nhân Ban cán sự lớp (*nếu có*).

- Cá nhân:

+ Sinh viên xuất sắc: 02 sinh viên

+ Sinh viên Giỏi: 67 sinh viên

2. Học bổng:

02 xuất HB loại Xuất sắc, 29 xuất HB loại Giỏi, 20 xuất HB loại Khá.

Phòng Công tác sinh viên đề nghị Các Khoa, Giáo viên chủ nhiệm, sinh viên các lớp kiểm tra lại danh sách tập thể và cá nhân sinh viên khóa D10 - D11 – D12 – D13– C25 – C26 – C27 được xét khen thưởng và học bổng HKI năm học 2020 – 2021.

Mọi ý kiến phản hồi đề nghị gửi về Phòng Công tác sinh viên bằng văn bản trước 17h00 ngày 22/04/2021./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiện (để báo cáo);
- Các Khoa (để phối hợp);
- Giáo viên chủ nhiệm (để thực hiện);
- Các lớp sinh viên (để thực hiện);
- Lưu: CTSV.

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Xuân Lê Đồng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHỐI D10-D11-D12- D13-C25-C26-C27
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 – 2021

(Kèm theo Thông báo số 16/TB-CTSV, ngày 15/4/2021của Trưởng phòng Công tác sinh viên)

I. HỆ ĐẠI HỌC

*** Lớp D10KT1-2:**

STT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Trịnh Thị Thanh Dung	D10 KT1	8.64	90	Giỏi	
2	Nguyễn T. Huyền Trang	D10 KT1	7.82	92	Khá	
3	Phạm Thị Vân Anh	D10 KT1	7.69	90	Khá	
4	Lã Hữu Đức	D10 KT2	7.44	92	Khá	

*** Lớp D10QTKD:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Huy	8.33	89	Giỏi	

*** Lớp D10GDMN 1-2:**

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm TBCMR	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huế	D10 MN2	8.82	9.02	84	Giỏi	
2	Phạm T.Thanh Hoan	D10 MN1	8.74	8.74	94	Giỏi	
3	Hoàng Mỹ Linh	D10 MN1	8.70	8.70	91	Giỏi	
4	Trương T.Thúy Tình	D10 MN2	8.36	8.56	80	Giỏi	
5	Trần Mỹ Hạnh	D10 MN2	8.45	8.45	87	Giỏi	

*** Lớp D10 GDTH1 – 2:**

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCMR	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Trần Thị Liễu	D10 TH1	9.15	92	Xuất sắc	
2	Nguyễn Thị Dung	D10 TH1	8.98	95	Giỏi	
3	Lê Thị Thu Hương	D10 TH1	8.63	87	Giỏi	
4	Tô Ánh Ngọc	D10 TH2	8.52	90	Giỏi	
5	Bùi Ngọc Anh	D10 TH1	8.38	90	Giỏi	

*** Lớp D10VNH:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Đinh Thị Mỹ Duyên	7.55	81	Khá	

*** Lớp D11KT 1- 2:**

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Lã Thị Phương Lan	D11 KT2	9.01	93	Xuất sắc	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	D11 KT2	8.93	89	Giỏi	
3	Nguyễn Thị Lan Anh (23/4)	D11 KT1	8.90	88	Giỏi	

*** Lớp D11QTKD:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Cao Văn Tuấn	7.39	89	Khá	

*** Lớp D11GDMN1 – 2:**

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCMR	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Đinh Thị Vân Anh	D11 MN2	8.96	95	Giỏi	
2	Lê Thị Mai Linh	D11 MN2	8.87	89	Giỏi	
3	Trần Thị Tuyết Mai	D11 MN1	8.41	87	Giỏi	
4	Nguyễn Thị Bích Loan (10/02/2000)	D11 MN1	8.02	86	Giỏi	

*** Lớp D11GDTH:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu Thảo	8.98	93	Giỏi	

*** Lớp D11VNH:**

STT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm TBCMR	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	8.09	8,29	95	Giỏi	
2	Dương Thị Kiều Linh	7.96	8,16	95	Giỏi	

***Lớp D12 KT:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Đoàn Thị Hằng	8.37	80	Giỏi	
2	Bùi Thị Lan Anh	8.13	82	Giỏi	

***Lớp D12 QTKD:** không có SV đủ điều kiện đề nghị xét HB

*** Lớp D12GDMN:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Trần Thị Loan	7.77	82	Khá	
2	Lê Thị Oanh	7.64	91	Khá	
3	Bùi Thị Ngoan	7.33	82	Khá	

*** Lớp D12 GDTH:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Đinh Thị Xuân Hương	7.54	87	Khá	

***Lớp D13KT:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Phạm Hương Lan	8.83	84	Giỏi	
2	Trần Thị Mai Trang	8.50	85	Giỏi	

***Lớp D13QTKD:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Lê Tuấn Tiến	7.74	83	Khá	

*** Lớp D13GDMN:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm Rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Nguyễn T Huyền Trang	8.04	84	Giỏi	
2	Trần Thị Len	7.76	84	Khá	
3	Đặng Thị Lan An	7.75	82	Khá	

*** Lớp D13 GDTH1 – 2:**

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Trừ Thu Trang	D13 TH2	8.76	92	Giỏi	
2	Trần Thanh Huyền	D13 TH1	8.08	90	Giỏi	
3	Phạm Thị Thanh Mai	D13 TH2	7.84	92	Khá	
4	Phạm Phương Linh	D13 TH1	7.84	80	Khá	
5	Phạm Thị Mai Anh	D13 TH1	7.75	80	Khá	
6	Phạm Ngọc Anh	D13 TH1	7.61	80	Khá	
7	Hoàng Thị Vân Anh	D13 TH1	7.44	80	Khá	
8	Nguyễn Hoàng Duyên	D13 TH2	7.41	82	Khá	

II. HỆ CAO ĐẲNG

*** Lớp C26MN:** không có sinh viên đạt học bổng

*** Lớp C25GDTH:**

TT	Họ và tên		Điểm TBCH	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Lương Thị	Ngọc	8.01	90	Giỏi	

*** Lớp C26GDTH:** không có sinh viên đạt học bổng

*** Lớp C27MN:**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Tống Thị Thanh Lam	8.18	82	Giỏi	

III. HỆ ĐẠI HỌC DU LỊCH

***Lớp D12 Du lịch :**

TT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Vũ Thị Ngọc Bích	7.65	95	Khá	

*** Lớp D13DL:**

STT	Họ và tên	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Mức học bổng	Ghi chú
1	Phạm Thị Thanh Phương	7.93	84	Khá	

DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN SINH VIÊN
KHÓA D10 - D11 - D12 – D13 - C25 - C26 – C27 ĐƯỢC KHEN THƯỞNG
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020- 2021

(Kèm theo Thông báo số 16/TB-CTSV, ngày 15/4/2021 của Trưởng phòng Công tác sinh viên)

I.Tập thể:

TT	Lớp	Danh hiệu đề nghị KT	Các khoản kinh phí chưa nộp		
			Phí VSMT	Quỹ Hội chữ thập đỏ	Quỹ Hội Sinh viên
1	D12 Du lịch	Tập thể lớp Tiên tiến	2019-2020; 2020-2021	2020	
2	D10 GDMN1	Tập thể lớp Tiên tiến			
3	D10 GDTH1	Tập thể lớp Tiên tiến		2019;2020	2020
4	D10 GDTH2	Tập thể lớp Tiên tiến	2019-2020; 2020-2021	2020	
5	D11 GDMN1	Tập thể lớp Tiên tiến			2020
6	D11 GDMN2	Tập thể lớp Tiên tiến			
7	D11 GDTH	Tập thể lớp Tiên tiến			
8	C25 GDTH	Tập thể lớp Tiên tiến	2019-2020; 2020-2021	2020	2020
9	D11 KT2	Tập thể lớp Tiên tiến		2020	
10	D13 GDMN	Tập thể lớp Tiên tiến	2020-2021	2020	
11	D13 GDTH1	Tập thể lớp Tiên tiến		2020	
12	D13 KT	Tập thể lớp Tiên tiến	2020-2021	2020	

II. Cá nhân:

1.Khen thưởng sinh viên Xuất sắc:

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT/ TBCMR	Điểm RL	Danh hiệu đề nghị KT
1	Trần Thị Liễu	D10 TH1	9.15	92	SVXuất sắc
2	Lã Thị Phương Lan	D11 KT2	9.01	93	SV Xuất sắc

2.Khen thưởng sinh viên Giỏi:

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm TBCRL	Danh hiệu đề nghị KT
1	Lương Thị Ngọc	C25 TH	8.01	90	Sinh viên Giỏi
2	Nguyễn Thị Huế	D10 MN2	9.02	84	Sinh viên Giỏi
3	Trương Thị Thúy Tình		8.56	80	Sinh viên Giỏi
4	Trần Mỹ Hạnh		8.45	87	Sinh viên Giỏi
5	Bùi Thị Thanh Lan		8.21	92	Sinh viên Giỏi
6	Phạm Thị Thanh Hoan	D10 MN1	8.74	94	Sinh viên Giỏi
7	Hoàng Mỹ Linh		8.70	91	Sinh viên Giỏi
8	Nguyễn Thị Thúy		8.34	91	Sinh viên Giỏi
9	Trần Thị Chinh		8.30	90	Sinh viên Giỏi
10	Nguyễn Thị Hương		8.23	91	Sinh viên Giỏi
11	Nguyễn Thị Kim Anh		8.14	90	Sinh viên Giỏi
12	Đinh Thị Nhung		8.08	90	Sinh viên Giỏi

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm TBCRL	Danh hiệu đề nghị KT
13	Nguyễn Thị Trà Mi		8.07	90	Sinh viên Giỏi
14	Nguyễn Thị Dung	D10 TH1	8.98	95	Sinh viên Giỏi
15	Lê Thị Thu Hương		8.63	87	Sinh viên Giỏi
16	Bùi Ngọc Anh		8.38	90	Sinh viên Giỏi
17	Trần Lan Anh		8.31	88	Sinh viên Giỏi
18	Nguyễn Thị Trang Nhung		8.29	88	Sinh viên Giỏi
19	Đinh Thu Hiền		8.25	90	Sinh viên Giỏi
20	Trần Thị Thu		8.24	93	Sinh viên Giỏi
21	Phạm Thị Thanh		8.18	88	Sinh viên Giỏi
22	Lã Thị Ngọc		8.05	88	Sinh viên Giỏi
23	Chu Thị Xuân		8.04	90	Sinh viên Giỏi
24	Nguyễn T. Khánh Huyền		8.01	93	Sinh viên Giỏi
25	Vũ Thị Thùy Dung		8.01	89	Sinh viên Giỏi
26	Tô Ánh Ngọc	D10TH2	8.52	90	Sinh viên Giỏi
27	Nguyễn Hà Linh Chi		8.32	96	Sinh viên Giỏi
28	Phan Nguyễn Khánh Hòa		8.28	89	Sinh viên Giỏi
29	Lê Thị Hồng Ngọc		8.25	94	Sinh viên Giỏi
30	Phạm Thị Thu Hiền		8.19	88	Sinh viên Giỏi
31	Nguyễn Thị Thu Hiền		8.19	91	Sinh viên Giỏi
32	Bùi Thị Phương Linh		8.13	93	Sinh viên Giỏi
33	Phạm Thị Thúy Ngọc		8.07	87	Sinh viên Giỏi
34	Phạm Khánh Huyền		8.06	90	Sinh viên Giỏi
35	Đặng Minh Quyết		8.03	91	Sinh viên Giỏi
36	Bùi Thị Huệ		8.01	90	Sinh viên Giỏi
37	Nguyễn Thị Hiền		8.01	89	Sinh viên Giỏi
38	Đinh Thị Vân Anh	D11 MN2	8.96	95	Sinh viên Giỏi
39	Lê Thị Mai Linh		8.87	89	Sinh viên Giỏi
40	Trần Thị Tuyết Mai	D11 MN1	8.41	87	Sinh viên Giỏi
41	Nguyễn Thị Bích Loan (10/02/2000)		8.02	86	Sinh viên Giỏi
42	Phạm Thị Thu Thảo	D11 GDTH	8.98	93	Sinh viên Giỏi
43	Phạm Phương Linh		8.69	92	Sinh viên Giỏi
44	Đào Thị Vân		8.43	89	Sinh viên Giỏi
45	Vũ Thị Hồng Lương		8.41	88	Sinh viên Giỏi
46	Trần Thị Lan Anh		8.38	88	Sinh viên Giỏi
47	Bùi Thúy Hiền		8.03	85	Sinh viên Giỏi
48	Trịnh Thị Thanh Dung	D10 KT1	8.64	90	Sinh viên Giỏi
49	Nguyễn Quang Huy	D10 QTKD	8.33	89	Sinh viên Giỏi
50	Nguyễn Thị Lan Anh (23/4)	D11 KT1	8.90	88	Sinh viên Giỏi
51	Nguyễn Thị Hương Giang		8.42	88	Sinh viên Giỏi
52	Vũ Thị Hằng		8.08	86	Sinh viên Giỏi

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm TBCRL	Danh hiệu đề nghị KT
53	Nguyễn Thị Vân Anh	D11 KT2	8.93	89	Sinh viên Giỏi
54	Phạm Thị Lan Hương		8.75	91	Sinh viên Giỏi
55	Nguyễn Đức Hải		8.35	94	Sinh viên Giỏi
56	Phạm Thị Thu Huyền		8.12	81	Sinh viên Giỏi
57	Lê Thùy Anh		8.08	87	Sinh viên Giỏi
58	Nguyễn Thị Kim Oanh	D11 VNH	8.29	95	Sinh viên Giỏi
59	Đoàn Thị Hằng	D12 KT	8.37	80	Sinh viên Giỏi
60	Bùi Thị Lan Anh		8.13	82	Sinh viên Giỏi
61	Nguyễn T Huyền Trang	D13MN	8.04	84	Sinh viên Giỏi
62	Trần Thanh Huyền	D13TH1	8.08	90	Sinh viên Giỏi
63	Trừ Thu Trang	D13TH2	8.76	92	Sinh viên Giỏi
64	Phạm Hương Lan	D13KT	8.83	84	Sinh viên Giỏi
65	Trần Thị Mai Trang	D13KT	8.50	85	Sinh viên Giỏi
66	Hà Thúy Hiền	D13KT	8.03	84	Sinh viên Giỏi
67	Tống Thị Thanh Lam	C27MN	8.18	82	Sinh viên Giỏi

(Ấn định danh sách có 67 sinh viên)